

Số: 09 /2025/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 24 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình đã được tiếp tục thực hiện tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Thực hiện Thông báo kết luận số 1567-TB/TU ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương giai đoạn 2022-2025;

Xét Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình đã được tiếp tục thực hiện tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của



Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình đã được tiếp tục thực hiện tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình đã được tiếp tục thực hiện tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Bình giai đoạn 2022-2025 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 2 như sau:

a) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 như sau:

“1a. Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp khu vực ngoài quốc doanh của doanh nghiệp, công ty, hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài).

a) Trên địa bàn phường;

b) Thuế giá trị gia tăng của Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải thủy bộ Hải Hà;

c) Nguồn thu từ Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn Sao Vàng;

d) Thu từ các doanh nghiệp, công ty mới đi vào hoạt động tại Khu kinh tế Thái Bình (bao gồm cả thuế giá trị gia tăng vướng lại trong quá trình xây dựng).”

b) Bổ sung khoản 2a, 2b vào sau khoản 2 như sau:

“2a. Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công và chuyển nhượng vốn, bản quyền, khác (trừ thuế thu nhập cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 4 và khoản 3 Điều 5 Quy định này).

2b. Thuế tiêu thụ đặc biệt thu khu vực ngoài quốc doanh của doanh nghiệp, công ty, hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài).”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Tiền đấu giá quyền thuê đất của cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh quản lý; tiền thuê đất 01 lần cho cả thời gian thuê thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; tiền thuê đất, thuê mặt nước thu từ doanh nghiệp, công ty, hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác thuộc khu vực ngoài quốc doanh (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp, công ty, hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác tại khoản 4 Điều 5 Quy định này).”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Lệ phí do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thu, phần nộp ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật; Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp, công ty, hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác; Lệ phí trước bạ các phương tiện giao thông, lệ phí trước bạ khác (trừ lệ phí trước bạ nhà đất theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này).”

e) Bổ sung khoản 11a vào sau khoản 11 như sau:

“11a. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm giữa ngân sách cấp tỉnh và cấp xã

1. Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp khu vực ngoài quốc doanh của doanh nghiệp, công ty, hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), trừ Thuế giá trị gia tăng và Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều 2 Quy định này.

a) Trên địa bàn xã Ái Quốc, xã Đồng Châu, xã Đồng Hưng, xã Nam Đông Hưng: Ngân sách cấp tỉnh 95%, ngân sách cấp xã 5%.

b) Trên địa bàn xã Thái Thụy: Ngân sách cấp tỉnh 90%, ngân sách cấp xã 10%.

c) Trên địa bàn xã Quỳnh Phụ, xã Phụ Dực, xã Hưng Hà, xã Long Hưng, xã Kiến Xương, xã Vũ Thư, xã Tây Tiền Hải, xã Tiền Hải, xã Đông Tiền Hải, xã Nam Cường, xã Hưng Phú, xã Nam Tiền Hải: Ngân sách cấp tỉnh 80%, ngân sách cấp xã 20%.

d) Trên địa bàn các xã còn lại: Ngân sách cấp tỉnh 70%, ngân sách cấp xã 30%.

2. Thuế giá trị gia tăng của cá nhân, hộ kinh doanh cá thể, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trên địa bàn phường (trừ thuế giá trị gia tăng quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này): Ngân sách cấp tỉnh 70%, ngân sách phường 30%.

3. Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản (trừ thuế thu nhập cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này).

a) Trên địa bàn xã: Ngân sách cấp tỉnh 50%, ngân sách cấp xã 50%.

b) Trên địa bàn phường: Ngân sách cấp tỉnh 80%, ngân sách cấp phường 20%.

4. Tiền thuê đất, mặt nước bãi triều ven biển nuôi ngao: Ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp xã 70%.”

3. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất điểm a khoản 1 Điều 8 như sau:

“- Giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học và trường chuyên nghiệp tỉnh quản lý, các trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh, trung tâm giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp dạy nghề do cấp tỉnh quản lý.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Nhiệm vụ chi ngân sách xã, phường

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng (bao gồm đầu tư giải phóng mặt bằng, xây dựng mới và cải tạo, sửa chữa lớn) các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn theo phân cấp của tỉnh theo các lĩnh vực quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã, phường từ nguồn huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân vào từng dự án theo quy định của pháp luật, do Hội đồng nhân dân xã, phường quyết định đưa vào ngân sách xã, phường quản lý theo các lĩnh vực quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

c) Chi tiết các lĩnh vực như sau:

- Giáo dục: Trường Mầm non, Trường Tiểu học, Trường Trung học cơ sở, Trường Tiểu học và Trung học cơ sở, Trung tâm Học tập cộng đồng, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị và dự án giáo dục khác theo phân cấp của tỉnh.

- Chi đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ (nếu có) theo phân cấp của tỉnh.

- Y tế, dân số và gia đình: Đầu tư giải phóng mặt bằng, xây dựng mới và cải tạo, sửa chữa lớn trạm xá xã, phường, cơ sở y tế theo phân cấp của tỉnh.

- Văn hóa thông tin, thể thao: Nhà văn hóa xã, phường và các công trình văn hóa, thể thao do xã, phường quản lý.

- Phát thanh, truyền hình: Đài truyền thanh do xã, phường quản lý và các công trình khác theo phân cấp của tỉnh.

- Các hoạt động kinh tế: Các dự án thủy lợi, hạ tầng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, phát triển thủy sản, cây trồng, vật nuôi; các dự án phòng tránh thiên tai, bão lụt hạn hán; hạ tầng khu, cụm công nghiệp; các chợ đầu mối, chợ dân sinh các dự án thoát nước; dự án hạ tầng giao thông theo phân cấp của tỉnh; vỉa hè, giao thông nội thị, đèn chiếu sáng, công viên, cây xanh nội thị và các công trình phục vụ công cộng do xã, phường quản lý theo phân cấp của tỉnh.

Chi chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chi kết cấu hạ tầng vùng chuyển đổi; chi đầu tư cho khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư, khuyến diêm và khuyến thương theo phân cấp của tỉnh.

- Quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội: Trụ sở cơ quan quản lý hành chính xã, phường và các dự án khác theo phân cấp của tỉnh.

- Chi bảo đảm xã hội: Dự án cải tạo, nâng cấp công trình mộ, nghĩa trang liệt sỹ, công trình ghi công liệt sỹ; hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn do gặp thiên tai, hỏa hoạn; hỗ trợ việc làm, dạy nghề và các dự án trợ giúp xã hội khác theo phân cấp của tỉnh.

d) Phần chi đầu tư phát triển trong các chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan cấp xã thực hiện theo dự toán chi được cấp tỉnh giao và phân cấp cho cấp xã quản lý.

e) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên:

a) Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề:

- Giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở; bổ túc văn hóa (nếu có) do cấp xã quản lý.

- Đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, Trung tâm Giáo dục cộng đồng; khuyến học và các hoạt động giáo dục, đào tạo khác do cơ quan cấp xã quản lý.

b) Chi ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất theo phân cấp của tỉnh (nếu có).

c) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

- Chi chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống dịch bệnh; thực hiện chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình và các hoạt động y tế khác trên địa bàn theo phân cấp của tỉnh.

- Phụ cấp cán bộ y tế thôn, tổ dân phố; chi hỗ trợ chi thường xuyên và mua sắm các khoản trang thiết bị phục vụ cho khám chữa bệnh của trạm y tế cấp xã và các hoạt động y tế, dân số cộng đồng do cấp xã quản lý.

- Bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật; Chi mua Bảo hiểm y tế cho đối tượng Cựu chiến binh, đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến, đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế, đối tượng thanh niên xung phong và các đối tượng khác theo quy định của Chính phủ.

d) Chi sự nghiệp hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao do cấp xã quản lý.

đ) Chi hoạt động phát thanh, truyền thanh do cấp xã quản lý.

e) Chi cho hoạt động sự nghiệp môi trường theo phân cấp: bao gồm hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường, rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng. Quản lý, vận hành hoạt động các công trình, dự án bảo vệ môi trường trên địa bàn được cấp thẩm quyền giao, các bãi chôn lấp chất thải hợp vệ sinh ở cấp xã. Chi kiểm tra, đánh giá, xử lý

tình hình ô nhiễm môi trường và các biện pháp khắc phục bảo vệ môi trường tại địa phương theo phân cấp quản lý của tỉnh.

g) Chi các hoạt động sự nghiệp kinh tế:

- Chi duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên cơ sở vật chất các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý như: Trường học, trạm y tế, nhà trẻ, lớp mẫu giáo, trụ sở cơ quan quản lý hành chính cấp xã, nhà văn hóa, thư viện, đài tưởng niệm, cơ sở thể dục thể thao, cầu đường giao thông, công trình thủy lợi, công trình cấp và thoát nước công cộng, hệ thống điện chiếu sáng, vỉa hè, cây xanh và các công trình phúc lợi công cộng khác theo quy định;

- Chi hỗ trợ khuyến khích phát triển các sự nghiệp kinh tế như: Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, diêm nghiệp, phòng chống lụt bão, khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư, khuyến diêm và khuyến thương, phát triển nguồn thu theo phân cấp của tỉnh;

- Chi sự nghiệp kinh tế khác do cấp xã quản lý.

h) Chi cho quản lý nhà nước, Đảng, tổ chức chính trị-xã hội cấp xã:

- Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước ở cấp xã;
- Hoạt động của các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam ở cấp xã;
- Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã;
- Hoạt động quản lý nhà nước khác của cấp xã theo phân cấp.

i) Chi bảo đảm xã hội do cấp xã quản lý:

- Các cơ sở bảo trợ xã hội, trợ giúp xã hội khẩn cấp, phòng chống tệ nạn xã hội, thăm hỏi, tặng quà cho đối tượng chính sách xã hội và các hoạt động sự nghiệp xã hội khác do cơ quan cấp xã quản lý.

- Chi trả trợ cấp hàng tháng, chế độ mai táng phí cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật.

- Chế độ chính sách cho cán bộ cấp xã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng (không kể trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc và trợ cấp thôi việc một lần cho cán bộ cấp xã nghỉ việc từ ngày 01 tháng 01 năm 1998 trở về sau do tổ chức bảo hiểm xã hội chi).

- Chi thực hiện chế độ chính sách cho lão thành cách mạng, đối tượng Đảng viên được tặng huy hiệu 50 năm tuổi đảng trở lên còn sống không có lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động theo quyết định của cấp có thẩm quyền; chế độ trợ cấp hàng tháng cho đối tượng thanh niên xung phong và đối tượng khác theo quy định của Chính phủ.

- Chi thực hiện chế độ mai táng phí cho đối tượng Cựu chiến binh, Thanh niên xung phong, đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến, đối tượng tham gia

chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo quy định của Chính phủ.

- Thực hiện các chính sách xã hội khác do tỉnh phân cấp cho xã, phường quản lý.

k) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

- Chi huấn luyện dân quân tự vệ, các khoản phụ cấp huy động dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của Luật Dân quân tự vệ.

- Chi thực hiện việc đăng kí nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp theo quy định của pháp luật.

- Chi chế độ bảo vệ thôn, tổ dân phố; chi tuyên truyền, vận động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã;

- Chi các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội khác theo quy định.

l) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cấp xã theo quy định của pháp luật.

m) Phần chi thường xuyên trong các chương trình mục tiêu (kể cả các chương trình mục tiêu quốc gia) được cấp tỉnh giao; phân cấp cho xã, phường thực hiện.

n) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn từ năm trước sang năm sau.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Nghị quyết này bãi bỏ khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình đã được tiếp tục thực hiện tại

Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; bãi bỏ Điều 3, Điều 9 Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVII Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2025. /. Whe

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực XI;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- Phòng giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước Khu vực V;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Thường trực Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- Báo Thái Bình; Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử Thái Bình;
- Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, CTHĐ. B

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Thành